

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/8/2022

V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

2. Ông Bùi Đức Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Lê Thị H**, sinh năm 1995;

ĐKHKTT và nơi cư trú: Số nhà 09, ngõ 45, đường P, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: **Anh Lê Văn Q** – sinh năm 1991;

ĐKHKTT: Số nhà 09, ngõ 45, đường P, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang lao động tại Nhật Bản.

3. Người làm chứng: Bà Trần Thị N – sinh năm 1962 (là mẹ đẻ anh Q);

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(Chị H, anh Q, bà N đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai cùng các tài liệu chứng cứ đã xuất trình nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày và có yêu cầu khởi kiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Lê Văn Q tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Điệp Nông, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 22/4/2019. Sau khi kết hôn, do tính tình không hợp,

bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung nên vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Anh chị đã tìm nhiều biện pháp để khắc phục mâu thuẫn, cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Sau đó, anh Q đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn Q để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị H và anh Lê Văn Q có một con chung là Lê Trung H - sinh ngày 03/02/2020. Khi anh Q đi xuất khẩu lao động nước ngoài, chị H là người trực tiếp nuôi con vì vậy ly hôn chị H có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản làm việc ngày 09/6/2022 của Tòa án với bà Trần Thị N là mẹ đẻ anh Q trình bày:*

Chị H và anh Q có quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn và khi chung sống có xảy ra mâu thuẫn như chị H trình bày là đúng. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh Q, do anh chị đã trưởng thành nên tự quyết định hôn nhân và tài sản chung của mình. Cháu Lê Trung H - sinh ngày 03/02/2020 là con chung của anh Q, chị H, do anh Q đang lao động tại Nhật Bản nên tôi đề nghị Tòa án tiếp tục giao cháu H cho chị H nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh Q, xử giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Văn Q có hộ khẩu thường trú tại số nhà 09, ngõ 45, đường P, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào Văn bản số 12000/QLXNC-P5 ngày 10/6/2022 của Cục xuất nhập cảnh, Bộ công an xác định anh Q đã xuất cảnh khỏi lãnh thổ Việt Nam và chưa về nước, nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ tại UBND xã Điệp Nông, Cục xuất nhập cảnh Bộ Công An về việc anh Q đã xuất cảnh, vì vậy Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Q vẫn liên lạc về gia đình nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể cho gia đình được biết. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Trần Thị N là mẹ đẻ anh Q để xác minh địa chỉ của anh Q, tiến hành tổng đạt các văn bản của Tòa án cho bà Ngoan, yêu cầu bà thông báo cho anh Q các văn bản tố tụng của Tòa án đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng đến nay anh Q vẫn không về tham gia tố tụng, cũng không có văn bản ý kiến gửi về cho Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Nguyên đơn chị Lê Thị H có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị H, anh Q tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn năm 2019 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống ngay sau khi chung sống, sau đó vợ chồng mỗi người ở một nơi. Anh Q đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ năm 2020 đến nay chưa về nước. Bà N – mẹ đẻ anh Q trình bày, anh Q đã biết việc chị H xin ly hôn nhưng do anh Q đang làm việc ở nước ngoài nên anh Q không về Việt Nam để làm việc với Tòa án và cũng không gửi văn bản ý kiến trực tiếp của mình về cho Tòa án, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với chị H. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị H, anh Q là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải chấp nhận xử cho chị H được ly hôn anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị H, anh Q có một con chung là Lê Trung H - sinh ngày 03/02/2020. Mẹ đẻ anh Q là bà N trình bày anh Q đồng ý chị H là người trực tiếp nuôi con chung và đồng ý việc chị H không yêu cầu anh cấp dưỡng cho con. Xét thấy, anh Q không có mặt tại Việt Nam, chị H hiện đang sinh sống tại tỉnh Thái Bình, chị đi làm đủ điều kiện chăm sóc cho con, hơn nữa từ khi anh Q đi lao động xuất khẩu chị là người trực tiếp nuôi con. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu nhận nuôi con của nguyên đơn, xử giao con chung Lê Trung H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Q vắng mặt, chưa có trình bày về tài sản chung, nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Anh Q có quyền yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Văn Q.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Lê Trung H - sinh ngày 03/02/2020 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Q có quyền thăm nom con chung. Chị H, anh Q có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Anh Q có quyền yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0005341 ngày 04 tháng 5 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hợp lệ, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Dương sự;
- UBND xã Diệp Nông, H. Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hằng

